

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Kế hoạch số 83-KH/TU ngày 26/01/2022 của Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 31-KL/TW ngày 25/10/2021 của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1126/SKHĐT-TH ngày 01/7/2024 về việc báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch số 83-KH/TU ngày 26/01/2022 của Tỉnh ủy; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo kết quả thực hiện cụ thể như sau:

I. Thực hiện Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 17/11/2020 của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 20/01/2021 của UBND tỉnh

(Chi tiết tại phụ lục đính kèm)

II. Thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2021-2030; Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021-2025 và các Kết luận phát triển kinh tế- xã hội hàng năm của Tỉnh ủy

1. Tốc độ tăng trưởng

Năm 2023, giá trị sản xuất toàn ngành (giá ss 2010) ước đạt 18.873,59 tỷ đồng, trong đó, nông nghiệp 9.461,19 tỷ đồng, lâm nghiệp 2.156,9 tỷ đồng, thủy sản 7.255,5 tỷ đồng. So với năm 2021, giá trị sản xuất toàn ngành tăng 5,86%, trong đó nông nghiệp tăng 6,29%, lâm nghiệp tăng 2,55%, thủy sản tăng 6,31%.

2. Kết quả thực hiện sản xuất nông nghiệp

a) Công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng

Trong giai đoạn 2021-2024 trên địa bàn toàn tỉnh đã chuyển đổi từ đất trồng lúa kém hiệu quả sang cây trồng hàng năm khác như ngô, lạc, rau, đậu các loại, cỏ chăn nuôi,... và cây khác với tổng diện tích là 2.407,8 ha¹; chuyển đổi từ đất trồng sắn sang trồng khác là 1.144,6 ha².

b) Xây dựng cánh đồng mẫu lớn đạt giá trị sau thu hoạch trên 100 triệu đồng/ha/năm

¹ cây ngô: 667,6ha, cây lạc: 496,5ha, cây rau các loại: 658,0ha, đậu các loại 50,8ha, cây mì 22,0ha, cỏ chăn nuôi 294,3ha, cây khác 165,6ha, cây lâu năm 53,1ha.

² cây ngô: 311,0ha, cây lạc: 233,9ha, cây rau các loại: 304,2ha, đậu các loại 30,0ha, cây mía 0,6ha, cỏ chăn nuôi 260,2ha, cây khác 4,8ha.

- Trong giai đoạn 2021-2024, các địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã triển khai thực hiện 617 cánh đồng lớn, với tổng diện tích 9.616,7 ha đối với lúa, lạc, dưa hấu³.

- Cơ cấu giống lúa được sử dụng trong mô hình gồm: Bắc Thịnh, Hà Phát 3, TBR225, MT10, ANS 1, VTNA2, Đài Thom 8, Thiên Hương (QNg6), QNg13, OM6976, DT45, ĐT100, năng suất bình quân từ 62-73,4tạ/ha. Giống lạc: Lạc Sỡ, LDH01,...

c) Về sản phẩm được Chứng nhận VietGAP; công tác quản lý mã số vùng trồng

- Về sản phẩm được Chứng nhận VietGAP: Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 80 ha diện tích lúa được chứng nhận VietGAP, với sản lượng dự kiến 800tấn/năm; 24,15 ha diện tích cây rau được chứng nhận VietGAP, với sản lượng dự kiến 933,5tấn/năm; 91,5 ha diện tích cây ăn quả được chứng nhận VietGAP, với sản lượng dự kiến 1.850,515 tấn/năm. Ngoài ra, còn có 02 cơ sở ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất rau, củ quả⁴.

- Về mã số vùng trồng: Đã cấp 12 Giấy xác nhận mã số vùng trồng tiêu thụ nội địa⁵ (Trong đó: 11 MSVT đang duy trì hiệu lực, 01 MSVT bị thu hồi⁶) và 01 mã số vùng trồng xuất khẩu⁷ trong lĩnh vực trồng trọt.

2.2. Chăn nuôi

- Đàn gia súc, gia cầm: Ước thực hiện đến 30/6/2024, đàn trâu có 66.017 con, đàn bò có 272.179 con, tỷ lệ bò lai đạt 74%, đàn heo có 380.631 con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước đạt 49.719,81tấn. So với cùng kỳ năm 2021, đàn trâu giảm 4,3%, đàn bò giảm 3,7%, đàn heo giảm 0,8%, sản lượng thịt hơi xuất chuồng tăng 16,8%.

- Về phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung: Chuyển dịch cơ cấu chăn nuôi từ quy mô nông hộ nhỏ lẻ sang quy mô nông hộ lớn hơn và quy mô trang trại đang tiến triển tích cực. Đến nay, toàn tỉnh có 81 trang trại chăn nuôi đạt tiêu chí theo Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 13/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Nhiều trang trại chăn nuôi đã và đang bắt đầu ứng dụng chăn nuôi tuần hoàn, công nghệ sinh học, nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao tạo ra một lượng sản phẩm lớn, năng suất cao, chất lượng tốt và đặc biệt là thân thiện với môi trường. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh đã áp

³ xây dựng cánh đồng lớn trên cây lúa là 497,0 cánh đồng với diện tích thực hiện là 8.353,4ha; trên cây lạc 72,0 cánh đồng lớn với diện tích 841,3ha; trên cây dưa hấu 48,0 cánh đồng lớn với diện tích 422,0ha.

⁴ HTX rau sạch Mầm Việt tại xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa với diện tích sản xuất: 1.800m², sản lượng: 44 tấn/năm (sản xuất rau thủy canh). Công ty TNHH MTV thủy canh Gia Viên tại xã Hành Trung, huyện Nghĩa Hành với diện tích sản xuất: 2.000m², sản lượng: 12 tấn/năm (sản xuất rau thủy canh).

⁵ Gồm 02 mã số vùng trồng rau, 01 mã vùng trồng ớt, 06 mã số vùng trồng lúa, 01 mã số vùng trồng dưa xiêm lùn da xanh, 01 mã số vùng trồng dưa hấu, 01 mã số vùng trồng mè, lạc.

⁶ Thu hồi 01 MSVT rau; Lý do thu hồi: HTX sản xuất rau truyền thống An Mô đã được sáp nhập vào HTX dịch vụ nông nghiệp Đức Lợi và đổi tên thành HTX Nông nghiệp Đức Lợi; các thành viên cũ không tham gia Ban Lãnh đạo HTX Nông nghiệp Đức Lợi và không đáp ứng đủ các điều kiện để duy trì mã số vùng trồng theo Quyết định số 3156/QĐ-BNN-TT ngày 19/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT

⁷vùng trồng chuối xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc cho Công ty cổ phần Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi và đã được nước nhập khẩu phê duyệt.

dụng công nghệ sinh học, công nghệ cao vào công tác chăn nuôi như sử dụng công nghệ giám sát trại chăn nuôi bằng hệ thống camera từ xa, sử dụng công nghệ dây chuyền thức ăn công nghiệp tự động, xây dựng hệ thống xử lý chất thải để thu gom và xử lý chất thải chăn nuôi tập trung.

- Về cải tạo đàn bò: Tiếp tục thực hiện dự án hỗ trợ phát triển đàn bò theo hướng nâng cao năng suất, sản lượng để sản xuất hàng hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022-2025. Nhờ đó, đến nay, tỷ lệ đàn bò lai đạt 78,6% trên tổng số đàn bò.

- Kiểm soát giết mổ: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 528 cơ sở giết mổ nhỏ lẻ, không có cơ sở giết mổ tập trung⁸. Tổng số con được giết mổ trong ngày khoảng 60 con trâu, 800 con lợn và 3.000 con gia cầm.

2.3. Về lâm nghiệp

a) Công tác Quản lý bảo vệ rừng, PCCCR

- Diện tích rừng thực hiện quản lý bảo vệ rừng đến 6 tháng đầu năm 2024 khoảng 332.888,51 ha (bao gồm diện tích rừng tự nhiên và diện tích rừng trồng).

- Độ che phủ rừng đến nay đạt 52,3%.

- Tổ chức thực hiện phòng cháy chữa cháy rừng: Thường xuyên cập nhật thông tin cảnh báo cháy rừng, phối hợp với Đài Khí tượng thủy văn tỉnh cung cấp dự báo cháy rừng hàng ngày trên địa bàn tỉnh; phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Trung tâm tin nhắn VNPT để đưa tin dự báo, nhắn tin cảnh báo cháy rừng hàng ngày để cảnh báo nguy cơ cháy rừng; tăng cường, bố trí lực lượng ở địa bàn xung yếu có nguy cơ cháy rừng cao, thường trực 24/24 giờ trong thời điểm nắng nóng kéo dài, thường xuyên kiểm soát nghiêm ngặt người, phương tiện ra vào rừng; sớm phát hiện lửa rừng và báo cáo kịp thời khi có cháy rừng xảy ra.

b) Sử dụng phát triển rừng

- Tổng diện tích trồng rừng giai đoạn 2021-2023 ước đạt khoảng 79.709,29ha, bình quân đạt 26.569,76 ha/năm.

- Gỗ rừng trồng khai thác (gỗ tròn): Diện tích khai thác rừng trên địa bàn tỉnh từ năm 2021-2024 chủ yếu là rừng trồng keo, tuổi khai thác rừng trồng chủ yếu là từ 4-5 năm tuổi; Sản lượng gỗ bình quân khoảng 2.457.915m³/năm. Diện tích khai thác tập trung ở các huyện như Ba Tơ, Trà Bồng, Nghĩa Hành... trong đó, sản lượng gỗ khai thác tập trung hầu hết là của hộ gia đình cá nhân; Sản lượng gỗ khai thác chủ yếu cung cấp cho các nhà máy chế biến dăm thô trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện liên kết trồng rừng sản xuất, trồng rừng gỗ lớn theo hướng có Chứng chỉ quản lý rừng bền vững, tổng diện tích rừng đã ký kết hợp đồng liên

⁸ Trong đó có 44 cơ sở giết mổ trâu, bò; 382 cơ sở giết mổ lợn và 102 cơ sở giết mổ gia cầm. Có 88 cơ sở giết mổ có đăng ký kinh doanh và 440 cơ sở giết mổ không có đăng ký kinh doanh

kết (giữa chủ rừng và doanh nghiệp) 10.327,36 ha, trong đó đã có 7.526,94ha/1.325 hộ đã được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững FSC.

2.4. Về thủy sản

a) Về khai thác thủy sản

- Từ đầu năm 2021 đến nay, lĩnh vực khai thác thủy sản của tỉnh tiếp tục phát triển, sản lượng khai thác thủy sản tỉnh Quảng Ngãi hàng năm đều đạt và vượt kế hoạch, nhờ ngư dân mạnh dạn nâng cấp cải hoán tàu cá, mua sắm trang thiết bị, ngư lưới cụ hiện đại và áp khoa học kỹ thuật trong đánh bắt đã đem lại hiệu quả, nên sản lượng đánh bắt liên tục tăng, sản lượng khai thác thủy sản từ 264.262 tấn (năm 2021) lên 273.528 tấn (năm 2023).

- Chuyển dịch phát triển khai thác thủy sản theo hướng tăng khai thác xa bờ, giảm khai thác ven bờ. Phát triển đội tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ, phát triển đội tàu cá vỏ thép và vỏ vật liệu mới.

- Thực hiện rà soát, nắm chắc tình trạng hoạt động của tàu cá, thực hiện thông báo xóa tên tàu cá trong sổ đăng ký tàu cá và đưa ra khỏi hệ thống cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia Vnfishbase tàu cá của tỉnh đã đăng ký nhưng không còn tồn tại trên thực tế. Tổng số tàu cá của tỉnh đã đăng ký, cập nhật đầy đủ thông tin vào hệ thống cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia VNFishbase đến nay tổng số tàu cá là 4.231 chiếc⁹ (giảm 941 chiếc so với cuối năm 2020) với tổng công suất 1.762.499,8 CV.

- Công tác quản lý tàu cá được thực theo đúng các quy định Luật Thủy sản năm 2017: Triển khai công tác đăng ký, đăng kiểm, lắp đặt thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá, cấp Giấy phép khai thác thủy sản, cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm đối với tàu cá, cấp Chứng nhận thủy sản khai thác trong nước không vi phạm quy định về đánh bắt bất hợp pháp...

- Các tổ chức nghề cá đã được quan tâm thành lập như: Tổ ngư dân đoàn kết sản xuất trên biển, Nghiệp đoàn nghề cá, Hội nghề cá, Hợp tác xã, đã đem lại kết quả thiết thực, tạo điều kiện cho ngư dân hỗ trợ, giúp đỡ nhau khi gặp khó khăn trong quá trình sản xuất, phòng tránh thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, bảo vệ an ninh trật tự, chủ quyền biên giới biển đảo.

- Hạ tầng dịch vụ hậu cần nghề cá như cảng cá, cảng neo trú tàu thuyền được quan tâm đầu tư, bước đầu phát huy hiệu quả tạo thuận lợi cho ngư dân trong việc neo đậu, tránh trú bão và cung cấp các dịch vụ hậu cần nghề cá. Hiện nay, có 05 cảng đã đưa vào sử dụng và được UBND tỉnh công bố mở cảng cá loại II, gồm: Cảng cá Tịnh Kỳ (công suất 12.000 tấn/năm), cảng cá Sa Huỳnh (công suất 500 chiếc), cảng neo trú tàu thuyền Tịnh Hòa (công suất là 350 chiếc), cảng neo trú tàu thuyền Mỹ Á (công suất là 400 chiếc), cảng neo trú tàu thuyền Lý Sơn (công suất là 500 chiếc).

⁹ Trong đó tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6 mét đến dưới 12 mét: 314 chiếc, từ 12 mét đến dưới 15 mét: 824 chiếc, từ 15 mét đến dưới 24 mét: 2.930 chiếc, từ 24 mét trở lên: 163 chiếc.

- Công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản đã được đẩy mạnh thực hiện bằng nhiều biện pháp như tuyên truyền, tuần tra kiểm soát bảo vệ nguồn lợi thủy sản, kiểm tra đột xuất các phương tiện khai thác hải sản, tăng cường quản lý phát triển tàu cá trên địa bàn tỉnh, giảm các nghề có tác động xấu đến môi trường và nguồn lợi góp phần nâng cao nhận thức cho người dân trong việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Triển khai thực hiện nhiệm vụ Điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản vùng biển ven bờ và nghề cá thương phẩm tỉnh Quảng Ngãi. Tổ chức triển khai thực hiện công tác thả giống tái tạo nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh.

- Công tác tuyên truyền, triển khai thực hiện Luật Thủy sản năm 2017 và Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 13/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi được thực hiện thường xuyên và quyết liệt.

b) Về nuôi trồng thủy sản

- Nuôi trồng thủy được đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu, đa dạng các đối tượng nuôi, các mô hình nuôi ghép đã phần nào hạn chế được dịch bệnh, mang lại hiệu quả thiết thực góp phần nâng cao sản lượng thu hoạch. Năm 2023, tổng diện tích thả nuôi 1.374 ha, sản lượng thu hoạch là 9.471,7 tấn; so với năm 2021: Diện tích nuôi giảm 11,7%, sản lượng thu hoạch tăng 13,2%.

- Tham mưu trình UBND tỉnh ban hành: Quyết định số 268/QĐ-UBND ngày 28/3/2022 về việc phê duyệt Chương trình phát triển thủy sản tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 15/2/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch hỗ trợ nuôi thủy sản lồng bè trên sông, lồng hồ chứa thủy lợi, thủy điện tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2022-2024; Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Triển khai thực hiện cấp Giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển, Giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực tại các địa phương có vùng nuôi theo quy định. Thường xuyên tổ chức kiểm tra tình hình nuôi trồng thủy sản và việc chấp hành lịch thời vụ các địa phương, vùng nuôi trong tỉnh; công tác quan trắc cảnh báo môi trường phục vụ cho nuôi trồng thủy sản tỉnh Quảng Ngãi được triển khai thực hiện tại 06 huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh, qua đó kịp thời thông báo kết quả quan trắc và khuyến cáo các biện pháp kỹ thuật cần thực hiện đến địa phương và hộ nuôi trên các phương tiện thông tin đại chúng để người nuôi phòng tránh và có phương án sản xuất phù hợp.

2.5. Công tác thủy lợi, quản lý đê điều và cung cấp nước sạch nông thôn

a) Công tác thủy lợi, đê điều

Trong thời gian năm qua, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rất chú trọng công tác tham mưu xây dựng cơ chế chính sách, quy hoạch, các chương trình, đề án... để nhằm hoàn thiện các văn bản chỉ đạo chuyên ngành, tạo hành

lang pháp lý đồng bộ, thuận lợi trong quá trình theo dõi, quản lý, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong thực thi công vụ. Kết quả sản phẩm cụ thể như sau:

- Về cơ chế chính sách: Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 29/7/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 7/6/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định tiêu chí bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai; Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 7/7/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định nội dung chi, mức chi và phân bổ Quỹ phòng chống thiên tai tỉnh; Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 14/2/2023 của UBND tỉnh ban hành Quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn và công trình trên địa bàn tỉnh; xây dựng Đề án Đầu tư phát triển đồng bộ, hiện đại kết cấu hạ tầng thủy lợi phục vụ phát triển kinh tế nông nghiệp và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đến năm 2025.

- Về quy hoạch

- + Theo dõi, tổ chức thực hiện các quy hoạch: Quy hoạch Thủy lợi; Quy hoạch phòng, chống lũ và chỉnh trị sông Trà Khúc, sông Trà Bồng, sông Vệ, sông Trà Cầu.

- + Hoàn thành Nhiệm vụ lập điều chỉnh Quy hoạch thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030, định hướng đến năm 2050¹⁰.

- Về công tác tưới cho cây trồng, phòng, chống hạn, kiểm tra công trình trước lũ: Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tham mưu UBND tỉnh trong công tác chỉ đạo các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện. Kết quả cụ thể: Diện tích tưới được đảm bảo qua các năm, góp phần ổn định về sản lượng cây trồng; các công trình thủy lợi, đê kè được đảm bảo, an toàn trong mùa mưa lũ.

- Về công tác Quản lý công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn:

- + Tổ chức thực hiện hoàn thành 05 nhiệm vụ cấp bách của Kế hoạch 142/KH-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh đến cuối năm 2021¹¹.

- + Tham mưu phê duyệt diện tích, biện pháp tưới được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2022-2025.

- + Xây dựng phương án phòng chống hạn và xâm nhập mặn, phục vụ dân

¹⁰ HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 30/9/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Điều chỉnh Quy hoạch thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và UBND tỉnh phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 1647/QĐ-UBND ngày 30/11/2022

¹¹ (1) Lắp quy trình vận hành 23 hồ chứa nước lớn và vừa; (2) Lắp đặt thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng 03 hồ chứa nước có cửa van; (3) Lắp đặt hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin cảnh báo an toàn đập và vùng hạ du hồ chứa nước 23 hồ; (4) Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về đập, hồ chứa nước; (5) Lập bản đồ ngập lụt hạ du đập và phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp của 20 hồ chứa nước lớn và vừa

sinh, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Về công tác tổng hợp, báo cáo đánh giá: Các chính sách, chương trình có liên quan đến lĩnh vực thủy lợi, đề điều hàng năm đều được tổng hợp báo cáo đánh giá đầy đủ, kịp thời theo yêu cầu của tỉnh, Bộ.

b) Công tác Phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai

- Trực ban nghiêm túc và tham mưu xử lý kịp thời các tình huống khi có bão, lũ xảy ra; tham gia kiểm tra tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra và đề xuất biện pháp khắc phục hậu quả. Kết quả cụ thể: Báo cáo kịp thời cho UBND tỉnh, các Bộ, ngành TW trong việc chỉ đạo phòng tránh lũ, bão và tình hình thiệt hại do mưa lũ gây ra cũng như tham mưu đề xuất kịp thời kinh phí hỗ trợ khắc phục hậu quả các công trình hạ tầng giao thông, thủy lợi và dân sinh.

- Hàng năm tham mưu UBND tỉnh ban hành Chỉ thị về việc tăng cường công tác phòng, chống thiên tai và TKCN; tổ chức Hội nghị tổng kết công tác PCTT&TKCN; xây dựng và tham mưu tổ chức kiểm tra Phương án PCTT&TKCN của các địa phương, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng, lắp đặt 79 trạm đo mưa tự động, 10 trạm đo mực nước tự động trên các sông và hồ chứa nước để chủ động theo dõi tình hình mưa, lũ trên lưu vực các sông trong tỉnh.

- Triển khai hoàn thiện 04 nhiệm vụ: (1) Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống truyền hình hội nghị trực tuyến (2) Xây dựng, lắp đặt trạm đo mưa tự động và trạm đo mực nước tự động (3) Cập nhật, xây dựng, nâng cấp Bản đồ ngập lụt thuộc dự án Giảm nhẹ thiên tai tỉnh Quảng Ngãi phục vụ công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh (4) Đánh giá ảnh hưởng của đường cao tốc Quảng Ngãi - Đà Nẵng đến ngập lụt tỉnh Quảng Ngãi và giải pháp ứng phó (5) Ứng dụng công nghệ thông tin thí điểm xây dựng mô hình quản lý, vận hành hệ thống tưới nước tự động trên một phần diện tích của kênh NVC2 thuộc hệ thống kênh chính Nam Thạch Nham tại xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

c) Công tác cung cấp nước sạch nông thôn

- Tổng hợp theo báo cáo của các huyện, thị xã, thành phố

+ Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch là 64,50% (*ương ứng 202.017 hộ/309.154 hộ*). Trong đó, Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung: 18,30% (*ương ứng 57.411 hộ/313.151 hộ*); tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước nhỏ lẻ: 46,20% (*ương ứng 144.606 hộ/313.151 hộ*).

+ Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước hợp vệ sinh là 97,30% (*ương ứng 304.789 hộ/313.151 hộ*). Trong đó, tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh từ công trình cấp nước tập trung: 18,30% (*ương ứng 57.411 hộ/313.151 hộ*); Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh từ công trình cấp nước nhỏ lẻ: 79,00% (*ương ứng 247.378 hộ/313.151 hộ*).

So với năm 2021, tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch tăng 11,12%, tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh tăng 2,77%.

2.6. Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và Chương trình mỗi xã một sản phẩm

a) Chương trình nông thôn mới

Toàn tỉnh có 02 huyện Nghĩa Hành và Tư Nghĩa đạt chuẩn nông thôn mới, 95/148 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 6 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

Tổng kế hoạch vốn được phân bổ giai đoạn 2021-2024 là 1.403.171 triệu đồng. Trong đó: Vốn đầu tư phát triển: 1.174.390 triệu đồng, bao gồm: Ngân sách Trung ương: 382.390 triệu đồng, Ngân sách tỉnh: 792.000 triệu đồng; Vốn sự nghiệp: 228.781 triệu đồng, bao gồm: Ngân sách Trung ương: 96.269 triệu đồng, Ngân sách tỉnh: 132.512 triệu đồng.

Ngoài nguồn vốn từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, còn huy động từ nguồn vốn tín dụng, vốn đóng góp của người dân, vốn doanh nghiệp. Việc phân bổ, sử dụng nguồn vốn đảm bảo theo quy định, ưu tiên cho các xã khó khăn, các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới theo kế hoạch giao.

b) Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP):

Toàn tỉnh có 191 sản phẩm đạt OCOP còn thời hạn, trong đó có 17 sản phẩm OCOP 4 sao và 174 sản phẩm 3 sao; 13/13 huyện, thị xã, thành phố đều có sản phẩm OCOP; có 120 chủ thể có sản phẩm đạt OCOP, trong đó có: 19 Doanh nghiệp, 34 hợp tác xã, 67 Cơ sở/hộ sản xuất kinh doanh; có 130/191 sản phẩm OCOP lên sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Quảng Ngãi; đã xây dựng 13 Điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP (trong đó, Nhà nước hỗ trợ 06 điểm; xã hội hóa 100% 07 điểm).

2.7. Phát triển kinh tế tập thể

Đến tháng 6/2024, trên địa bàn tỉnh có 244 HTX nông nghiệp (05 HTX trồng trọt, 02 HTX chăn nuôi, 02 HTX lâm nghiệp, 02 HTX diêm nghiệp, 09 HTX nuôi trồng và khai thác thủy sản và 224 HTX trồng trọt), trong đó 16 HTX ngừng hoạt động. Qua đánh giá xếp loại, số lượng HTXNN hoạt động hiệu quả năm 2023 (tốt, khá) là 64 HTXNN, chiếm tỷ lệ 28,7% trong tổng số 223 HTX thực hiện xếp loại (tổng số HTXNN năm 2023: 243).

Nhiều HTX thực hiện việc liên kết giữa nông dân, HTX, doanh nghiệp để tổ chức sản xuất, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và tiêu thụ sản phẩm cho thành viên, cụ thể: Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam, Công ty Thái Việt liên kết và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi trên địa bàn huyện Mộ Đức, Sơn Tịnh, Bình Sơn; Công ty bò sữa Vinamilk liên kết sản xuất và tiêu thụ ngô sinh khối trên địa bàn huyện Mộ Đức, Đức Phổ, Nghĩa Hành; Công ty TNHH Nông lâm nghiệp TBT liên kết với hợp tác xã trên địa bàn huyện Mộ Đức sản xuất lúa theo tiêu chuẩn VietGAP; tổ hợp tác, hợp tác xã ở huyện Sơn Hà liên kết đưa một số hàng nông sản của người đồng bào Hre (gà kiến, rau rừng, ớt xiêm,...) vào hệ

thông siêu thị BigC; các tổ hợp tác rau an toàn Nghĩa Hà tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ rau an toàn.

2.8. Tình hình thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp

- Thường xuyên phối hợp với các sở, ban, ngành giải quyết các bất cập do quy định chưa cụ thể, chông chéo, mâu thuẫn về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng và tài nguyên, môi trường,...

- Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp tục thực hiện Nghị định 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp. Đến nay, việc sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp thuộc UBND tỉnh Quảng Ngãi như sau:

+ Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tô: Duy trì củng cố, phát triển và tái cơ cấu, nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện nhiệm vụ sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

+ Công ty TNHH MTV Nông Lâm nghiệp 24/3 Đức Phổ: Đã chuyển thành Công ty Cổ phần. Nhà nước không giữ cổ phần chi phối hoặc không nắm giữ cổ phần.

+ Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trà Tân: Hiện nay, Sở Nông nghiệp và PTNT đang tham mưu UBND tỉnh giải quyết một số tồn tại, đang chờ Bộ Tài chính hướng dẫn bố trí nguồn kinh phí hỗ trợ giải quyết các tồn tại tài chính cho các công ty nông lâm nghiệp thực hiện giải thể mất khả năng thanh toán theo Kết luận 82-KL/TW.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch số 83-KH/TU ngày 26/01/2022 của Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 31-KL/TW ngày 25/10/2021 của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, KH-TC_{Ngọc}.

GIÁM ĐỐC

Hồ Trọng Phương